

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Phong

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tráng Phu D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tráng Phu D trình bày: Tôi và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 08/10/2009 tại UBND xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 9/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, mâu thuẫn kéo dài căng thẳng, tình cảm vợ chồng không khắc phục được và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ thời

gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị T.

* Về con chung: Có 02 cháu: Tráng Thín Khánh N sinh ngày 25/7/2005; Tráng Thín Nam Q sinh ngày 11/9/2010. Hiện nay cả hai cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu chị T tại thôn Đ, xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho chị T, ông Nguyễn Duy H là bố đẻ chị T đã nhận và thông báo cho chị T biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh D và chị nhưng chị T cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn chị T. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Tráng Thín Khánh N và Tráng Thín Nam Q cho anh D nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tráng Phu D và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 08 tháng 10 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Anh D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau thời gian đầu

hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 9/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, mâu thuẫn kéo dài căng thẳng, tình cảm vợ chồng không khắc phục được và anh chị đã sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh D xin ly hôn chị T là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hiện nay anh D và chị T đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh D được ly hôn chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Tráng Thín Khánh N sinh ngày 25/7/2005; Tráng Thín Nam Q sinh ngày 11/9/2010. Hiện nay hai cháu N và Q đang ở cùng anh D. Hai cháu đều có đơn gửi Tòa án có nguyện vọng ở với anh D. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao hai cháu N và Q cho anh D nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tráng Phu D được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao hai cháu Tráng Thín Khánh N sinh ngày 25/7/2005; Tráng Thín Nam Q sinh ngày 11/9/2010 cho anh Tráng Phu D trực

tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tráng Phu D phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0001495 ngày 23/8/2019 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Tráng Phu D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lang Thíp;
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng